

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Kèm theo

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	03 – 05
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	06 – 07
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	08 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 44

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113-115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thăng Long GTC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

#### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Thăng Long GTC là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 28/05/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động Công ty TNHH Một thành viên Thăng Long GTC thành Công ty Cổ phần Thăng Long GTC.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000220 ngày 01 tháng 09 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần sáu chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Thăng Long GTC ngày 03 tháng 03 năm 2016 mã số doanh nghiệp 0100107388 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.228.000.000.000 đồng (*Một nghìn hai trăm hai mươi tám tỷ đồng*).

Tương đương 122.800.000 cổ phần (Mệnh giá cổ phần 10.000 VND/CP)

#### **2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Nga	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Quang Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Thái Dũng	Thành viên
Ông Lê Văn Tản	Thành viên
Bà Trần Thị Tuyết Nhung	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tạ Minh Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Dũng	Phó Tổng giám đốc
Bà Dương Thị Lam	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Ngân	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Đào Nguyên Đặng	Thành viên
Bà Ngô Thị Nhài	Thành viên

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113-115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

#### **3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại số 113-115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Công ty có 04 đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Khách sạn Eastin Easy GTC – Hà Nội: 27 Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội;
- Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển du lịch Sông Hồng: 42 Chương Dương Độ, Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- Xí nghiệp Xây dựng và Nội thất Thăng Long: 15-17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội;
- Chi nhánh Hải Dương: xã Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương.

#### **4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

#### **5. Các sự kiện phát sinh trong niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### **6. Các sự kiện sau ngày khóa sổ kết toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

#### **7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

#### **8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113-115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Tạ Minh Hùng**

Số: 12 /2018/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017  
của Công ty Cổ phần Thăng Long GTC

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Thăng Long GTC**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Thăng Long GTC, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018, được trình bày từ trang 08 đến trang 44 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thăng Long GTC tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Thay mặt và đại diện Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Dương Thị Thảo**

Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0162-2018-242-1

**Trần Thị Yến Ngọc**

Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0926-2015-242-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>345.423.662.612</b>	<b>232.958.044.139</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>278.412.903.871</b>	<b>197.706.540.155</b>
1. Tiền	111		13.065.768.991	21.847.400.315
2. Các khoản tương đương tiền	112		265.347.134.880	175.859.139.840
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>65.874.469.861</b>	<b>34.092.450.615</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	66.209.200.235	36.165.121.837
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	5.518.679.341	972.582.980
6. Các khoản phải thu khác	136	5.5	2.030.579.785	1.306.745.798
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.7	(7.883.989.500)	(4.352.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>85.332.028</b>	<b>78.954.158</b>
1. Hàng tồn kho	141		85.332.028	78.954.158
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.050.956.852</b>	<b>1.080.099.211</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	541.616.778	566.608.260
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.317.349	6.468.226
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nu	153		507.022.725	507.022.725
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>944.812.921.227</b>	<b>1.082.045.757.563</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>574.423.156</b>	<b>586.374.382</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	391.370.663	391.370.663
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	574.423.156	586.374.382
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	5.7	(391.370.663)	(391.370.663)



**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Mẫu số B 01 – DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>68.086.663.743</b>	<b>66.879.800.923</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	67.793.139.453	66.516.555.409
- Nguyên giá	222		110.172.718.053	99.637.737.593
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.379.578.600)	(33.121.182.184)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	293.524.290	363.245.514
- Nguyên giá	228		557.769.800	557.769.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(264.245.510)	(194.524.286)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.10</b>	<b>56.400.537.031</b>	<b>67.754.853.113</b>
- Nguyên giá	231		76.512.738.141	89.075.501.290
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(20.112.201.110)	(21.320.648.177)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>45.750.350.639</b>	<b>45.387.963.542</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	45.750.350.639	45.387.963.542
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>770.257.565.353</b>	<b>896.605.572.375</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		887.843.237.620	887.843.237.620
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.598.916.518	8.762.334.755
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(119.184.588.785)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.743.381.305</b>	<b>4.831.193.228</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	3.743.381.305	4.831.193.228
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.290.236.583.839</b>	<b>1.315.003.801.702</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu số B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>63.532.679.003</b>	<b>93.804.190.687</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>49.441.677.641</b>	<b>78.706.442.957</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	30.084.851.537	27.506.666.931
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	126.638.663	32.301.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	191.382.023	292.214.573
4. Phải trả người lao động	314		1.100.897.222	1.179.713.949
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	346.671.112	49.500.000
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		620.393.632	481.542.932
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	1.461.144.713	47.202.475.420
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	15.500.545.570	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.153.169	1.962.028.152
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.091.001.362</b>	<b>15.097.747.730</b>
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	8.602.963.014	9.989.429.382
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	5.488.038.348	5.108.318.348
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.226.703.904.836</b>	<b>1.221.199.611.015</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>1.226.703.904.836</b>	<b>1.221.199.611.015</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.228.000.000.000	1.228.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.228.000.000.000	1.228.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.887.650	21.887.650
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(1.317.982.814)	(6.822.276.635)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ t.	421a		(6.822.276.635)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.504.293.821	(6.822.276.635)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.290.236.583.839</b>	<b>1.315.003.801.702</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập



Trần Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng



Dương Thị Lam

Tổng Giám đốc




Tạ Minh Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mẫu số B 02 – DN

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	6.1	<b>124.587.258.951</b>	<b>150.693.271.584</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		<b>124.587.258.951</b>	<b>150.693.271.584</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	11	6.2	<b>102.279.841.370</b>	<b>132.007.223.689</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>22.307.417.581</b>	<b>18.686.047.895</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	135.325.373.070	8.958.343.725
7. Chi phí tài chính	22	6.4	119.583.059.173	960.867.582
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		377.767.392	959.945.301
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	20.749.027.567	21.583.178.075
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	11.936.054.180	11.676.261.830
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>5.364.649.731</b>	<b>(6.575.915.867)</b>
11. Thu nhập khác	31	6.5	581.489.988	75.300.943
12. Chi phí khác	32	6.6	441.845.898	321.661.711
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	40		<b>139.644.090</b>	<b>(246.360.768)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>5.504.293.821</b>	<b>(6.822.276.635)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		<b>5.504.293.821</b>	<b>(6.822.276.635)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		44,82	(55,56)

Người lập



Trần Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng



Dương Thị Lam

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Tạ Minh Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Mẫu số B 03 – DN

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>5.504.293.821</b>	<b>(6.822.276.635)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		9.953.806.181	8.738.555.069
- Các khoản dự phòng	03		122.716.578.285	4.743.370.663
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(336.269.495)	(136.686.192)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(135.120.340.885)	(8.121.190.564)
- Chi phí lãi vay	06		377.767.392	959.945.301
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>3.095.835.299</b>	<b>(638.282.358)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(35.302.282.262)	37.024.650.517
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.377.870)	260.705.847
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.699.673.063	(1.157.112.029)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.112.803.405	2.729.055.354
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(347.184.665)	(978.580.761)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	4.600.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.749.608.783)	(912.874.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(33.497.141.813)</b>	<b>36.332.161.770</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(218.471.684)	(1.826.123.926)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		533.772.727	73.227.272
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	9.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		70.000.000.000	57.377.600.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		72.162.105.160	8.047.963.292
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>142.477.406.203</b>	<b>72.672.666.638</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(43.784.728.017)	(715.000.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		20.686.773.539	28.443.515.256
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.186.227.969)	(70.734.806.946)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(28.284.182.447)</b>	<b>(757.291.291.690)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>80.696.081.943</b>	<b>(648.286.463.282)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>197.706.540.155</b>	<b>845.880.238.769</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		10.281.773	112.764.668
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>278.412.903.871</b>	<b>197.706.540.155</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập

Trần Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng

Dương Thị Lam

Tổng Giám đốc



Tạ Minh Hùng

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thăng Long GTC là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 28/05/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động Công ty TNHH Một thành viên Thăng Long GTC thành Công ty Cổ phần Thăng Long GTC.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000220 ngày 01 tháng 09 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần sáu chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Thăng Long GTC ngày 03 tháng 03 năm 2016 mã số doanh nghiệp 0100107388 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.228.000.000.000 đồng (*Một nghìn hai trăm hai mươi tám tỷ đồng*).

### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại tổng hợp, dịch vụ du lịch lữ hành và kinh doanh khách sạn.

### **Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Vận chuyển khách du lịch bằng đường bộ, đường sông; Kinh doanh các dịch vụ du lịch; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống; Kinh doanh dịch vụ, hoạt động vui chơi giải trí, thể dục thể thao, dịch vụ sauna, xoa bóp (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp;
- Kinh doanh siêu thị;
- Kinh doanh hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dung, công nghệ phẩm, điện máy, thực phẩm ăn uống, đại lý tiêu thụ hàng hóa cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- Kinh doanh lương thực và chế biến thực phẩm;
- Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, bách hóa, hàng may mặc, hàng nông sản, thực phẩm chế biến, rượu, thuốc lá, vật tư, thiết bị, máy móc phục vụ cho xây dựng và các phương tiện vận tải công nghiệp, dân dụng; hóa chất và các vật tư về hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm), thiết bị văn phòng;
- Kinh doanh dịch vụ kho vận, giao nhận, vận chuyển hàng hóa nội địa và kinh doanh quốc tế;
- Đại lý vé máy bay;
- Đại lý bán cước vận tải hàng hóa cho các hãng tàu biển, hàng không trong nước và quốc tế;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng làm việc; dịch vụ cho thuê nhà ở và văn phòng làm việc cho các đối tượng trong và ngoài nước;
- Sản xuất, mua bán và thiết kế các loại bao bì bằng giấy nhựa, thiết kế trang trí và sản xuất đồ nội thất cho nhà ở và văn phòng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113-115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

- Tổ chức hội chợ triển lãm, quảng cáo và dịch vụ xúc tiến thương mại;
  - Tổ chức hội thảo, đào tạo chuyên ngành dịch vụ và thương mại;
  - Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, cấp thoát nước và cơ sở hạ tầng trong ngành du lịch và ngoài ngành;
  - Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà, khu đô thị, trung tâm thương mại, khu du lịch, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, khách sạn (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng ô tô, xích lô, xe máy, xe đạp.

**Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Không

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có trụ sở chính tại số 113-115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

**Công ty có 04 đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:**

**Tên đơn vị phụ thuộc:****Địa chỉ:**

Khách sạn Eastin Easy GTC – Hà Nội

Số 27 Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội

Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch Sông Hồng

Số 42 Chương Dương Độ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Xí nghiệp Xây dựng và Nội thất Thăng Long

Số 15-17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

Chi nhánh Hải Dương

Xã Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 cho mục đích công bố thông tin theo quy định của các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

#### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **4.3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

- a) **Chứng khoán kinh doanh**
- b) **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**
- c) **Các khoản cho vay**
- d) **Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:**

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

- đ) **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

- e) **Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:**

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

- f) **Lập dự phòng đầu tư tài chính**

Dự phòng đầu tư tài chính là dự phòng lập theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

#### **4.4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

#### **4.5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi



các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- o Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

#### **4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

##### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-55 năm
- Máy móc, thiết bị	03-08 năm
- Phương tiện vận tải	05-06 năm
- Thiết bị văn phòng	03-05 năm

#### **4.7. Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- Phần mềm máy tính

08 năm

#### **4.8. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Việc khấu hao bất động sản đầu tư thực hiện như sau:

- Đối với bất động sản đầu tư cho thuê: Thực hiện tính khấu hao như qui định;
- Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá: Không tính khấu hao.

#### **4.9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

#### **4.10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- o Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

- o Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

**4.11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng, khế ước vay.

**4.12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

**4.13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần và khoản thặng dư này sẽ được chuyển thành cổ phần, kết chuyển vào vốn đầu tư của chủ sở hữu trong tương lai. Khoản thặng dư này sẽ không được xem là vốn cổ phần cho tới khi được chuyển đổi thành cổ phần và kết chuyển vào vốn đầu tư của công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

***Thu nhập khác***

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

**4.16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, hàng hoá bất động sản, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**4.17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **4.18. Nguyên tắc kế toán Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

#### **4.19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

#### **4.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

#### **4.21. Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113-115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**4.22. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như: Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại mục thuyết minh số 8.6.

**4.23. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh chính: kinh doanh thương mại tổng hợp, dịch vụ du lịch lữ hành và kinh doanh khách sạn.

Khu vực địa lý: Hoạt động của Công ty phát sinh chủ yếu tại Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	207.438.084	446.847.117
Tiền gửi ngân hàng	12.858.330.907	21.400.553.198
- Tiền gửi VND	9.220.951.492	12.877.473.431
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	82.293.078	76.664.416
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội</i>	2.859.228.424	7.739.582.111
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Sở giao dịch</i>	6.279.429.990	5.061.226.904
- Tiền gửi USD	3.342.919.099	8.330.175.763
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	4.479.737	4.786.422
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội</i>	3.182.813.539	8.169.160.941
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á</i>	155.625.823	156.228.400
- Tiền EUR	294.460.316	192.904.004
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội</i>	294.460.316	192.904.004
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	265.347.134.880	175.859.139.840
<b>Cộng</b>	<b><u>278.412.903.871</u></b>	<b><u>197.706.540.155</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Mẫu số B09a - DN****5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh	887.843.237.620	(119.184.588.785)	887.843.237.620	-
- Công ty Liên doanh Đại Chân Trời (1)	14.886.875.558	(9.615.939.192)	14.886.875.558	-
- Công ty Phát triển Du Lịch Hữu hạn Làng Nghi Tâm (2)	139.146.074.838	(109.568.649.593)	139.146.074.838	-
- Công ty TNHH TMQT & DV siêu thị Big C Thăng Long (3)	316.751.841.568	-	316.751.841.568	-
- Công ty TNHH Khách sạn Nhà hát Opera (4)	203.401.576.784	-	203.401.576.784	-
- Công ty TNHH Thăng Long Property (5)	108.901.688.268	-	108.901.688.268	-
- Công ty TNHH Pacific Thăng Long (6)	104.755.180.604	-	104.755.180.604	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	1.598.916.518	-	8.762.334.755	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Đầu tư Thủ Đô (7)	-	-	7.163.418.237	-
- Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi (8)	1.598.916.518	-	1.598.916.518	-
<b>Cộng</b>	<b>889.442.154.138</b>	<b>-</b>	<b>(119.184.588.785)</b>	<b>896.605.572.375</b>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THẮNG LONG GTC**

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09a - DN

### **5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

- (1): Theo Hợp đồng liên doanh Công ty Liên doanh Đại Chấn Trời tháng 10/1994, Giấy phép đầu tư số 1189/GP ngày 05/04/1995 của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, Công ty góp 588.000 USD chiếm 30% vốn điều lệ cùng với Công ty United Land & Trading Pte., Ltd (Singapore) nhằm xây dựng khu nhà ở, văn phòng, trung tâm thương mại tại 157 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 14.886.875.558 VND.
- (2): Theo Hợp đồng liên doanh với Công ty T.P.C Development Ltd (Hồng Kông) ngày 09/02/2007 và Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000080 chứng nhận lần đầu ngày 15/08/2007 và thay đổi lần thứ nhất ngày 22/01/2009, Công ty góp 25% vốn điều lệ, trị giá 6.951.448 USD bằng quyền sử dụng 7.899 m<sup>2</sup> đất và 24.088 m<sup>2</sup> mặt nước Hồ Tây trong thời gian 40 năm kể từ 02/07/1991 trị giá 4.551.448 USD, chi phí đền bù và ghi nhận lợi thế địa điểm bằng 2.260.000 USD nhằm đầu tư, xây dựng khách sạn Intercontinental West Lake Hà Nội tại thôn Nghi Tâm, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 139.146.074.838 VND.
- (3): Theo Hợp đồng liên doanh với Vindemia SAS ngày 19/11/2008 và Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000197 chứng nhận lần đầu ngày 23/12/2008 và thay đổi lần 5 ngày 07/10/2014 do UBND thành phố Hà Nội cấp, Công ty góp 3.822.514 USD, chiếm 35% vốn điều lệ nhằm đầu tư, xây dựng dự án Espace Big C Thăng Long. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 316.751.841.568 VND.
- (5): Theo Hợp đồng liên doanh Công ty TNHH Thăng Long Property ngày 13/10/2007 và Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000132 chứng nhận lần đầu ngày 09/05/2008, thay đổi lần thứ tư ngày 26/07/2010 do UBND Thành phố Hà Nội cấp, Công ty góp 5.250.000 USD, chiếm 35% vốn điều lệ, cùng Vindemia Property Ltd đầu tư, xây dựng và kinh doanh một tổ hợp tòa nhà văn phòng khách sạn và dịch vụ phụ trợ tại góc phố Trần Duy Hưng và đường vành đai 3, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 108.901.688.268 VND.
- (6): Theo Hợp đồng liên doanh với Janakpur Limited ngày 14/07/2007 và Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000108 cấp lần đầu ngày 31/12/2007, thay đổi lần thứ nhất ngày 17/06/2011, Công ty góp 4.930.000 USD, chiếm 29% vốn điều lệ nhằm đầu tư, xây dựng khu phức hợp Giảng võ tại 15 -17 Ngọc Khánh, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 104.755.180.604 VND.
- (7): Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106715 được Phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10/09/2013 của Công ty CP Du lịch Thương mại và Đầu tư Thủ đô, Thăng Long GTC chiếm 9,56% vốn điều lệ, tương đương 2.913.330.000 VND. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 7.163.418.237 VND. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần tại Công ty CP Du lịch Thương mại và Đầu tư Thủ đô với giá 70.000.000.000 VND (Bảy mươi tỷ đồng chẵn).
- (8) Thăng Long GTC chiếm 5,2% vốn điều lệ, tương đương 1.300.000.000 VND tại Công ty CP Hà Nội Tourist Taxi. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 1.598.916.518 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

**5.3 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG****a) Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Văn phòng công ty	66.209.200.235	36.165.121.837
- Công ty TNHH Hòa Bình	64.807.605.420	34.506.634.605
- Công ty TNHH Prodigy Pacific Việt Nam	46.062.679.150	23.563.731.680
- Các khoản phải thu khách hàng khác	11.908.000.000	8.704.000.000
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	6.836.926.270	2.238.902.925
Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch Sông Hồng	489.594.815	668.487.232
	912.000.000	990.000.000

**Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

- Công ty TNHH TMQT & DV siêu thị Big C Thăng Long	1.497.925.000	
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>		
Văn phòng công ty	391.370.663	391.370.663
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội	241.728.763	241.728.763
- Phạm Thanh Thủy - Thuê nhà số 3 - 110 Cầu Giấy	149.641.900	149.641.900

**5.4 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN****a) Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Văn phòng Công ty	5.518.679.341	972.582.980
- Công ty CP Tư vấn Hạ tầng Miền Bắc	-	258.000.000
- Công ty CP DV Phòng cháy Chữa cháy Sao Việt	-	316.804.041
- Công ty CP Đầu tư và Lắp đặt Thiết bị Công nghệ An Bình	164.938.610	164.938.610
- ERFURTER MALZWERKE GMBH	5.237.740.731	-
- Các đối tượng khác	116.000.000	191.805.329
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	-	2.035.000
Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch Sông Hồng	-	39.000.000

**b) Trả trước cho người bán dài hạn**

<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-
--	---	---

**5.5 . PHẢI THU KHÁC**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.030.579.785</b>	-	<b>1.306.745.798</b>	-
- Tạm ứng	20.750.000	-	740.000.000	-
- Phải trả, phải nộp khác	517.665	-	505.557	-
- Phải thu khác	2.009.312.120	-	566.240.241	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>574.423.156</b>	-	<b>586.374.382</b>	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	574.423.156	-	586.374.382	-
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**5.6 . HÀNG TỒN KHO**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	47.080.886	-	50.191.002	-
Hàng hóa	38.251.142	-	28.763.156	-
<b>Cộng</b>	<b>85.332.028</b>	<b>-</b>	<b>78.954.158</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Mẫu số B09a - DN****5.7 NỢ XẤU**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017		Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
<b>- Các khoản phải thu</b>					
- Công ty TNHH Prodigy Pacific Việt Nam	10.306.000.000	3.563.400.000	8.704.000.000	4.352.000.000	(4.352.000.000)
- Cty CP Đầu tư và phát triển nhà số 6 Hà Nội	241.728.763	-	241.728.763	-	(241.728.763)
- Phạm Thanh Thủy - Thuê nhà số 3 - 110 Cầu Giấy	149.641.900	-	149.641.900	-	(149.641.900)
- Công ty CP Âm thực Vui chơi Giải trí 199	22.000.000	15.400.000	(6.600.000)		
- Công ty CP Tập đoàn Nhất Thống	3.117.555.000	2.093.215.500	(1.024.339.500)		
- Công ty TNHH Bất Động Sản Việt Nam	88.000.000	61.600.000	(26.400.000)		
- Công ty TNHH Dịch vụ Hoàng Hà	3.500.000	2.450.000	(1.050.000)		
- Công ty TNHH Hùng Anh - HD san nền giai đoạn 2	83.000.000	-	(83.000.000)		
<b>Cộng</b>	<b>14.011.425.663</b>	<b>5.736.065.500</b>	<b>(8.275.360.163)</b>	<b>4.352.000.000</b>	<b>(4.743.370.663)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

**5.8 . TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	70.799.494.412	12.782.349.201	15.660.068.412	395.825.568	<b>99.637.737.593</b>
Tăng trong năm	12.779.032.428	2.202.405			<b>12.781.234.833</b>
- <i>Mua trong năm</i>	216.269.279				<b>216.269.279</b>
- <i>Tặng khác (*)</i>	12.562.763.149	2.202.405			<b>12.564.965.554</b>
Giảm trong năm		779.417.555	1.418.181.818	48.655.000	<b>2.246.254.373</b>
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>		779.417.555	1.418.181.818	48.655.000	<b>2.246.254.373</b>
- <i>Giảm khác</i>					
Số dư cuối năm	83.578.526.840	12.005.134.051	14.241.886.594	347.170.568	<b>110.172.718.053</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	20.600.386.608	5.239.868.128	6.949.824.106	331.103.342	<b>33.121.182.184</b>
Tăng trong năm	8.016.727.959	1.280.520.685	1.758.127.209	37.156.171	<b>11.092.532.024</b>
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	3.008.628.432	1.280.520.685	1.758.127.209	37.156.171	<b>6.084.432.497</b>
- <i>Tặng khác</i>	5.008.099.527				<b>5.008.099.527</b>
Giảm trong năm		779.417.555	1.006.063.053	48.655.000	<b>1.834.135.608</b>
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>		779.417.555	1.006.063.053	48.655.000	<b>1.834.135.608</b>
Số dư cuối năm	28.617.114.567	5.740.971.258	7.701.888.262	319.604.513	<b>42.379.578.600</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	50.199.107.804	7.542.481.073	8.710.244.306	64.722.226	<b>66.516.555.409</b>
2. Tại ngày cuối năm	54.961.412.273	6.264.162.793	6.539.998.332	27.566.055	<b>67.793.139.453</b>

• Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.523.991.488 VND

(\*): đây là khoản phân loại lại giá trị TSCĐ dùng cho mục đích cho thuê. Tại ngày 31/12/2017, Công ty đã phân loại lại phần tài sản cho thuê và ghi nhận trên tài sản cố định hữu hình theo quy định của Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Mẫu số B 09 - DN****5.9 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	-	-	-	557.769.800	-	557.769.800
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Mua trong năm</i>	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	557.769.800	-	557.769.800
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	-	-	-	194.524.286	-	194.524.286
Tăng trong năm	-	-	-	69.721.224	-	69.721.224
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	-	-	-	69.721.224	-	69.721.224
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	264.245.510	-	264.245.510
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	363.245.514	-	363.245.514
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	293.524.290	-	293.524.290

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

**5.10. TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>a) Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
Nguyên giá	89.075.501.290	-	12.562.763.149	76.512.738.141
Nhà và QSD đất	89.075.501.290		12.562.763.149	76.512.738.141
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>21.320.648.177</b>	<b>3.799.652.460</b>	<b>5.008.099.527</b>	<b>20.112.201.110</b>
Nhà và QSD đất	21.320.648.177	3.799.652.460	5.008.099.527	20.112.201.110
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>67.754.853.113</b>	<b>(3.799.652.460)</b>	<b>7.554.663.622</b>	<b>56.400.537.031</b>
Nhà và QSD đất	67.754.853.113	(3.799.652.460)	7.554.663.622	56.400.537.031

**5.11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>541.616.778</b>	<b>566.608.260</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	199.352.857	291.414.923
- Các khoản khác (Nêu chi tiết nếu có giá trị lớn)	342.263.921	275.193.337
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.743.381.305</b>	<b>4.831.193.228</b>
- Chi phí thuê đất 94 Lý Thường Kiệt	339.312.750	407.175.300
- Lợi thế kinh doanh	291.455.677	541.274.833
- Chi phí cải tạo khu nhà ở 15-17 Ngọc Khánh	1.844.898.073	2.053.166.446
- Chi phí cải tạo tòa nhà 115 Lê Duẩn		221.280.281
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	245.054.964	54.033.106
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.022.659.841	1.554.263.262
<b>Cộng</b>	<b>4.284.998.083</b>	<b>5.397.801.488</b>

**5.12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Cuối năm	Đầu năm
Sửa chữa lớn tài sản cố định		
Xây dựng cơ bản dở dang	45.750.350.639	45.387.963.542
+ Chung cư C4 Xuân Đình	45.299.319.470	45.091.254.954
+ M2 Huỳnh Thúc Kháng	451.031.169	296.708.588
<b>Cộng</b>	<b>45.750.350.639</b>	<b>45.387.963.542</b>

**5.13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>30.084.851.537</b>	<b>30.084.851.537</b>	<b>27.506.666.931</b>	<b>27.506.666.931</b>
Văn phòng Công ty	29.435.066.423	29.435.066.423	26.750.839.575	26.750.839.575
- Guangzhou Malting Co.ltd	28.128.110.534	28.128.110.534	25.450.973.910	25.450.973.910
- Các đối tượng khác	1.306.955.889	1.306.955.889	1.299.865.665	1.299.865.665
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	598.099.118	598.099.118	690.673.764	690.673.764
Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch Sông Hồng	51.685.996	51.685.996	65.153.592	65.153.592
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>				
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				

**5.14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Người mua trả tiền trước</b>	<b>126.638.663</b>	<b>126.638.663</b>	<b>32.301.000</b>	<b>32.301.000</b>
Văn phòng Công ty	82.988	82.988	495.000	495.000
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	86.555.675	86.555.675	31.806.000	31.806.000
Chi nhánh Hải Dương	40.000.000	40.000.000		0

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

**5.15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
<b>a) Phải nộp</b>	<b>292.214.573</b>	<b>17.070.817.776</b>	<b>17.171.650.326</b>	<b>191.382.023</b>
- Thuế GTGT	107.999.268	12.351.228.013	12.323.005.456	136.221.825
- Thuế TNCN	183.995.064	254.064.112	383.160.729	54.898.447
- Các khoản phí, lệ phí	220.241	4.465.525.651	4.465.484.141	261.751
<b>b) Phải thu</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải thu trong năm</b>	<b>Số đã thu trong năm</b>	<b>Cuối năm</b>
- Thuế TNDN	507.022.725	-	-	507.022.725

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>346.671.112</b>	<b>49.500.000</b>
- Trích trước chi phí lãi vay	283.671.112	-
- Các khoản trích trước khác	63.000.000	49.500.000
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>346.671.112</b>	<b>49.500.000</b>

**5.17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.461.144.713</b>	<b>47.202.475.420</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	6.786.530	2.230.996
- Phải trả về cổ phần hoá	-	2.813.940.006
- Phải trả, phải nộp khác	1.374.741.516	44.386.304.418
<b>b) Dài hạn</b>	<b>5.488.038.348</b>	<b>5.108.318.348</b>
- Khoản vay Công ty Phát triển Du lịch Hữu hạn Làng Nghi Tâm (70.000 USD) (*)	1.595.300.000	1.595.300.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.892.738.348	3.513.018.348

**c) Phải trả người bán là các bên liên quan****d) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

(\*) Theo xác nhận công nợ phải trả Công ty Phát triển Du lịch Hữu hạn Làng Nghi Tâm, Công ty Phát triển Du lịch Hữu hạn Làng Nghi Tâm không đồng ý số dư công nợ trên và cho rằng, số tiền Công ty CP Thăng Long GTC phải trả là: 100.000 USD. Đến thời điểm lập báo cáo này, hai bên vẫn chưa thống nhất được số dư công nợ. Tuy nhiên, nghĩa vụ phải trả với Công ty Nghi Tâm 70.000 USD đã được phê duyệt theo Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 28 tháng 05 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

**5.18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>620.393.632</b>	<b>481.542.932</b>
Văn phòng Công ty	620.393.632	457.906.569
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	-	23.636.363
<b>b) Dài hạn</b>	<b>8.602.963.014</b>	<b>9.989.429.382</b>
Văn phòng Công ty	8.602.963.014	9.989.429.382
- Công ty TNHH Prodigy Pacific Việt Nam - Cho thuê tài sản 94 Lý Thường Kiệt	8.602.963.014	9.989.429.382
<b>c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Mẫu số B 09 - DN****5.19 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>15.500.545.570</b>	<b>15.500.545.570</b>	<b>20.686.773.539</b>	<b>5.186.227.969</b>	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (1)	15.500.545.570	15.500.545.570	20.686.773.539	5.186.227.969	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.500.545.570</b>	<b>15.500.545.570</b>	<b>20.686.773.539</b>	<b>5.186.227.969</b>	-	-

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/135194/HĐTD ngày 17/07/2017, thời hạn các khoản vay thường là 3 tháng.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C.

- Thời hạn cấp hạn mức: Đến hết ngày 30/06/2018. Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành.

- Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ;

- Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/135194/2016/HĐĐĐ ký ngày 24/08/2016 giữa Công ty Thăng Long GTC và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

**5.20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	1.228.000.000.000	21.887.650			<b>1.228.021.887.650</b>
Tăng vốn năm trước					-
Tăng khác					-
Lỗ trong năm trước				(6.822.276.635)	<b>(6.822.276.635)</b>
Giảm khác					-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.228.000.000.000</b>	<b>21.887.650</b>	<b>-</b>	<b>(6.822.276.635)</b>	<b>1.221.199.611.015</b>
Tăng vốn trong năm nay					-
Lãi trong năm nay				5.504.293.821	<b>5.504.293.821</b>
Tăng khác					-
Giảm khác					-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.228.000.000.000</b>	<b>21.887.650</b>	<b>-</b>	<b>(1.317.982.814)</b>	<b>1.226.703.904.836</b>

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/12/2017	Tỷ lệ	01/01/2017
- Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	45,19%	554.985.000.000	45,19%	554.985.000.000
- Công ty TNHH Thương Lũng Vua	27,03%	331.864.000.000	27,03%	331.864.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngân Anh	27,44%	336.968.000.000	27,44%	336.968.000.000
- Các đối tượng khác	0,34%	4.183.000.000	0,34%	4.183.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>1.228.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.228.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.228.000.000.000	1.228.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	1.228.000.000.000	1.228.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	122.800.000	122.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	122.800.000	122.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	122.800.000	122.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	122.800.000	122.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	122.800.000	122.800.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần	10.000 đồng	10.000 đồng
* Lãi cơ bản trên cổ phiếu	44,82	(55,56)

**đ) Cổ tức**

<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.153.169	1.962.028.152

**g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.**

**5.21. CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH****6 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>a) Doanh thu</b>	<b>124.587.258.951</b>	<b>150.693.271.584</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	-	-
- Văn phòng Công ty	113.256.286.836	140.755.007.403
- Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	9.656.891.984	7.957.007.669
- Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch Sông Hồng	1.616.797.274	1.981.256.512
- Chi nhánh Hải Dương	57.282.857	
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
<b>Cộng</b>	<b>124.587.258.951</b>	<b>150.693.271.584</b>

**6.2 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	102.279.841.370	-
- Văn phòng Công ty	94.992.493.874	126.375.396.344
- Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	6.728.376.073	5.111.561.223
- Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch Sông Hồng	556.267.244	520.266.122
- Chi nhánh Hải Dương	2.704.179	
<b>Cộng</b>	<b>102.279.841.370</b>	<b>132.007.223.689</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>6.3 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Lãi tiền gửi	11.190.057.616	6.818.062.592
Lãi từ hoạt động đầu tư	62.836.581.763	
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.222.668	4.429.836
Cổ tức, lợi nhuận nhận được	57.145.789.474	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	315.920.339	136.686.192
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.833.801.210	1.999.165.105
<b>Cộng</b>	<b>135.325.373.070</b>	<b>8.958.343.725</b>
<b>6.4 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
Lãi tiền vay	377.767.392	959.945.301
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.702.996	922.281
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	119.184.588.785	
<b>Cộng</b>	<b>119.583.059.173</b>	<b>960.867.582</b>
<b>6.5 . THU NHẬP KHÁC</b>		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	533.772.727	73.227.272
- Các khoản khác	47.717.261	2.073.671
<b>Cộng</b>	<b>581.489.988</b>	<b>75.300.943</b>
<b>6.6 . CHI PHÍ KHÁC</b>		
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	412.118.765	95.391.663
- Các khoản khác	29.727.133	226.270.048
<b>Cộng</b>	<b>441.845.898</b>	<b>321.661.711</b>
<b>6.7 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
<b>a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>11.936.054.180</b>	<b>11.676.261.830</b>
Chi phí nhân viên	4.097.384.195	2.409.248.417
Chi phí khấu hao tài sản cố định	832.386.551	949.307.272
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	3.531.989.500	4.743.370.663
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.057.198.758	1.181.333.483
Chi phí khác bằng tiền	2.417.095.176	2.393.001.995
<b>b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>20.749.027.567</b>	<b>21.583.178.075</b>
Chi phí nhân viên	6.930.404.868	6.870.898.426
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.353.890.765	3.749.912.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.345.284.610	2.547.753.431
Chi phí khác bằng tiền	8.119.447.324	8.414.613.724
<b>c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

**6.8 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân công	14.755.188.900	11.827.003.006
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.953.806.181	8.738.555.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.064.274.102	27.038.212.394
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	3.531.989.500	4.743.370.663
Chi phí bằng tiền khác	14.089.904.832	25.089.421.183
<b>Cộng</b>	<b>50.395.163.515</b>	<b>77.436.562.315</b>

**6.9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.504.293.821	(6.822.276.635)
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.299.540.953	416.270.663
+ <i>Phí hội đồng Quản trị năm 2016, 2017</i>	1.041.000.000	-
+ <i>Tiền nộp phạt nộp tiền thuế đất năm 2014</i>	5.722.017	
+ <i>Các chi phí khác</i>	252.818.936	416.270.663
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	57.723.398.110	112.764.668
+ <i>Cổ tức nhận được từ công ty liên doanh</i>	57.145.789.474	
+ <i>Các chi phí khác</i>	577.608.636	112.764.668
Tổng thu nhập chịu thuế	(50.919.563.336)	(6.518.770.640)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành		

**7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

**3. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	<b>Năm nay</b>
	20.686.773.539

**4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	<b>Năm nay</b>
	5.186.227.969

**8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN****8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)**

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: Bán hàng hóa, thành phẩm; Kinh doanh lẻ hành và du lịch và Hoạt động kinh doanh khác. Chi tiết báo cáo các bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

**Năm nay**

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa, thành phẩm	Kinh doanh lẻ hành và du lịch	Hoạt động kinh doanh khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	87.511.869.552	1.957.567.309	35.117.822.090	124.587.258.951
Các khoản giảm trừ				
Giá vốn	84.426.443.290	1.822.268.337	16.031.129.743	102.279.841.370
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>3.085.426.262</b>	<b>135.298.972</b>	<b>19.086.692.347</b>	<b>22.307.417.581</b>
Tổng giá trị còn lại của tài sản				124.487.200.774
Nợ phải trả				63.532.679.003
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)				218.471.684
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				12.883.055.851

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

<b>Năm trước</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Bán hàng hóa, thành phẩm</b>	<b>Kinh doanh lãi hành và du lịch</b>	<b>Hoạt động kinh doanh khác</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>
	Doanh thu	96.981.642.351	27.667.290.579	26.044.338.654	150.693.271.584
	Các khoản giảm trừ				
	Giá vốn	93.236.300.055	26.245.767.546	12.525.156.088	132.007.223.689
	<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>3.745.342.296</b>	<b>1.421.523.033</b>	<b>13.519.182.566</b>	<b>18.686.047.895</b>
	Tổng giá trị còn lại của tài sản				134.634.654.036
	Nợ phải trả				93.804.190.687
	Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)				1.826.123.926
	Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				11.920.257.037
	Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn				

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Chi tiêu	Bán hàng hóa, thành phẩm	Kinh doanh lễ hành và du lịch	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	51.300.419.881	169.424.662	22.765.317.509	74.235.162.052
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.216.001.421.787
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.290.236.583.839</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	28.128.110.534		2.430.050.778	30.558.161.312
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				32.974.517.691
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>63.532.679.003</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	23.607.680.886	242.142.000	15.064.952.550	38.914.775.436
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.276.089.026.266
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.315.003.801.702</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	25.571.095.950	167.000	5.326.090.638	30.897.353.588
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				62.906.837.099
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>93.804.190.687</b>

**8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (thứ yếu)**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm 2017, hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

**8.4 . Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>Ngày 31/12/2017</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>352.171.363.232</b>	<b>770.831.988.509</b>	<b>352.745.786.388</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	278.412.903.871		278.412.903.871
Phải thu khách hàng	71.727.879.576		71.727.879.576
Đầu tư	-	770.257.565.353	
Phải thu khác	2.030.579.785	574.423.156	2.605.002.941
Tài sản tài chính khác			
<b>Trừ:</b>	<b>(7.883.989.500)</b>	<b>(119.575.959.448)</b>	<b>(127.459.948.948)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.883.989.500)	(391.370.663)	(8.275.360.163)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		(119.184.588.785)	(119.184.588.785)
<b>Tổng cộng</b>	<b>360.055.352.732</b>	<b>890.407.947.957</b>	<b>480.205.735.336</b>
<b>Giá trị ghi sổ</b>			
Các khoản vay và nợ	15.500.545.570	-	15.500.545.570
Phải trả người bán	30.211.490.200		30.211.490.200
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.807.815.825	<b>5.108.318.348</b>	6.916.134.173
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.519.851.595</b>	<b>5.108.318.348</b>	<b>52.628.169.943</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>312.535.501.137</b>	<b>885.299.629.609</b>	<b>427.577.565.393</b>
<b>Ngày 01/01/2017</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>236.150.990.770</b>	<b>897.583.317.420</b>	<b>1.133.734.308.190</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	197.706.540.155		197.706.540.155
Phải thu khách hàng	37.137.704.817	391.370.663	37.529.075.480
Đầu tư	-	896.605.572.375	896.605.572.375
Phải thu khác	1.306.745.798	586.374.382	1.893.120.180
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Trừ:</b>	<b>(4.352.000.000)</b>	<b>(391.370.663)</b>	<b>(4.743.370.663)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.352.000.000)	(391.370.663)	(4.743.370.663)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>240.502.990.770</b>	<b>897.974.688.083</b>	<b>1.138.477.678.853</b>
<b>Ngày 01/01/2017</b>			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	27.538.967.931		27.538.967.931
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	47.251.975.420	5.108.318.348	52.360.293.768
<b>Tổng cộng</b>	<b>74.790.943.351</b>	<b>5.108.318.348</b>	<b>79.899.261.699</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>165.712.047.419</b>	<b>892.866.369.735</b>	<b>1.058.578.417.154</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Đơn vị tính: VND
	31-12-17	01-01-17	
<b>Tài sản tài chính</b>			
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
Các khoản cho vay và phải thu			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	65.874.469.861	38.449.612.680	38.449.612.680
Tài sản tài chính khác			
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán			
Tiền và các khoản tương đương tiền	278.412.903.871	197.706.540.155	197.706.540.155
<b>Tổng cộng</b>	<b>344.287.373.732</b>	<b>236.156.152.835</b>	<b>236.156.152.835</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ	15.500.545.570		
Phải trả người bán	30.084.851.537	27.506.666.931	27.506.666.931
Phải trả khác	1.461.144.713	52.310.793.768	1.461.144.713
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.046.541.820</b>	<b>79.817.460.699</b>	<b>28.967.811.644</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

**8.5 . Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Như đã nêu tại Thuyết minh 5.2, trong năm , Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại Công ty CP Du lịch Thương mại và Đầu tư Thủ Đô cho Bà Nguyễn Thị Minh Hồng với giá 70.000.000.000 VND (Bảy mươi tỷ đồng chẵn./.)

**8.6 . Thông tin về các bên liên quan****a) Các bên liên quan**

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Liên doanh Đại Chân Trời	Công ty liên doanh
Công ty Phát triển Du lịch Hữu hạn Làng Nghi Tàm	Công ty liên doanh
Công ty TNHH TMQT & DV siêu thị Big C Thăng Long	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Khách sạn Nhà hát Opera	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Thăng Long Property	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Pacific Thăng Long	Công ty liên doanh
Công ty CP Hanoi Tourist Taxi	Công ty đầu tư vốn

**Giao dịch với các bên liên quan**

Ngoài thuyết minh các bên liên quan nêu trên, những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2017 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<b>Bên liên quan</b>	<b>Giao dịch</b>	<b>Giá trị</b>
Công ty TNHH TMQT & DV siêu thị Big C Thăng Long	Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia 2016	57.050.000.000
	Cung cấp dịch vụ tư vấn	2.995.850.000
	Nhận tiền cung cấp dịch vụ tư vấn	1.497.925.000
Công ty Liên doanh Đại Chân Trời	Thu tiền thuê đất, thuế đất	26.685.155
	Nộp hộ tiền thuê đất, thuế đất	26.685.155
Công ty TNHH Pacific Thăng Long	Nộp hộ tiền thuê đất, thuế đất	517.511.966
Công ty CP Hanoi Tourist Taxi	Nhận cổ tức được chia 2016	95.789.474

**b) Thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Năm nay VND</b>
Thù lao Hội đồng Quản trị		445.000.000
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc		
<i>Chi tiết:</i>		
Ông Tạ Minh Hùng	Tổng giám đốc	458.000.000
Ông Nguyễn Thái Dũng	Phó Tổng giám đốc	345.000.000
Bà Dương Thị Lam	Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	350.318.182
Thù lao Ban Kiểm soát		284.909.091
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.883.227.273</b>

**8.7 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Thăng Long GTC đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC**

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**8.8 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.9 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập

Trần Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng

Dương Thị Lam



Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

Tạ Minh Hùng